

CHƯƠNG 3

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG
NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “**Kinh tế chính trị Mác – Lênin**” – Tài liệu tập huấn giảng dạy tháng 08/2019.
2. Daron Acemoglu và Jame A. Robinson “**Tại sao các quốc gia thất bại**”, NXB Trẻ 2017.
3. Daniel Yergin và Joseph Stanislaw, “**Những đỉnh cao của chỉ huy**”, NXB Thế giới, 2018.
4. Karl Marx “**Tư Bản**”, **Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 1**, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984
5. Karl Marx “**Tư Bản**”, **Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 2**, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984
6. Yuval Noah Harari “**Lược sử loài người**”, NXB Tri thức, 2017
7. Mortimer Chambers “**Lịch sử văn minh phương Tây**”, NXB Văn hóa Thông tin, 2004

3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Công thức chung của tư bản

Lưu thông hàng hóa giản đơn, tiền vận động theo công thức:



BÁN ĐỂ MUA



3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Công thức chung của tư bản

Tiền là tư bản vận động theo công thức



MUA ĐỂ BÁN



3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Công thức chung của tư bản

Công thức chung
của tư bản



$$T - H - T'$$



Công thức
chung tạo ra sự
lầm tưởng là
trong sản xuất
và lưu thông
đều tạo ra giá
trị thặng dư.

$$T' = T + \Delta T$$



Giá trị
thặng dư



Tư bản là giá
trị mang lại
giá trị thặng
dư (m)

3.1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Công thức chung của tư bản

So sánh sự vận động của hai công thức trên

+ Giống nhau

- Đều có 2 yếu tố: tiền và hàng
- Đều có 2 hành vi: mua và bán
- Đều là quá trình lưu thông hàng hóa

KHÁC NHAU

T – H – T'



Tiền

Điểm khởi đầu
và kết thúc của
sự vận động



Không có giới hạn

H – T – H



Hàng



Mục đích của sự
vận động

Giới hạn của
sự vận động

Dừng lại khi thỏa
mãn nhu cầu

Công thức chung của tư bản

Giá trị luôn luôn chuyển từ hình thái này qua hình thái khác

Tư bản là tiền, tư bản là hàng hóa

Nếu không mang hình thái hàng hóa, tiền không thể trở thành tư bản được.



Căn cứ vào học thuyết giá trị ta thấy công thức chung của tư bản có mâu thuẫn.

$$T - H - T' \quad (T' = T + \Delta T \text{ (m)})$$

- Mâu thuẫn ở chỗ nào?
- Giải quyết mâu thuẫn ra sao ?

Công thức chung có sự đảo lộn giữa mục tiêu và phương tiện, giữa hàng và tiền, giữa mua và bán

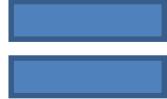
Trong công thức chung chỉ có 2 hành vi: mua – bán, mà mua – bán thì không tạo ra giá trị gia tăng (m). Theo học thuyết giá trị thì giá trị do lao động tạo ra, và **m** được tạo ra trong SX chứ không tạo ra trong lưu thông.

Giải quyết mâu thuẫn công thức chung để tìm nguồn gốc sinh ra m

Mẫu thuẫn công thức chung của tư bản

Trong lưu thông

Trao đổi ngang giá



Không tạo ra giá trị thặng dư (m)

Trao đổi không ngang giá



Nếu hàng hóa hóa bán được cao hơn giá trị thì người bán sẽ có lời, ngược lại bán thấp hơn giá trị thì người mua sẽ có lời. Nhưng trong nền KTHH, mỗi người sản xuất vừa là người bán vừa là người mua. Vì vậy, cái lợi mà họ thu được sẽ bù lại cái thiệt khi mua.



Người mua: 12đ

Mẫu thuẫn công thức chung của tư bản

- Chuyên mua rẻ bán đắt (cá biệt): Tổng giá trị trước trao đổi = Tổng giá trị sau trao đổi, chỉ có phần giá trị trong tay mỗi bên là thay đổi.
=> Không tạo ra m

Ngoài lưu thông

- ☐ Xét yếu tố tiền: Tiền cất trữ sẽ không tự lớn lên



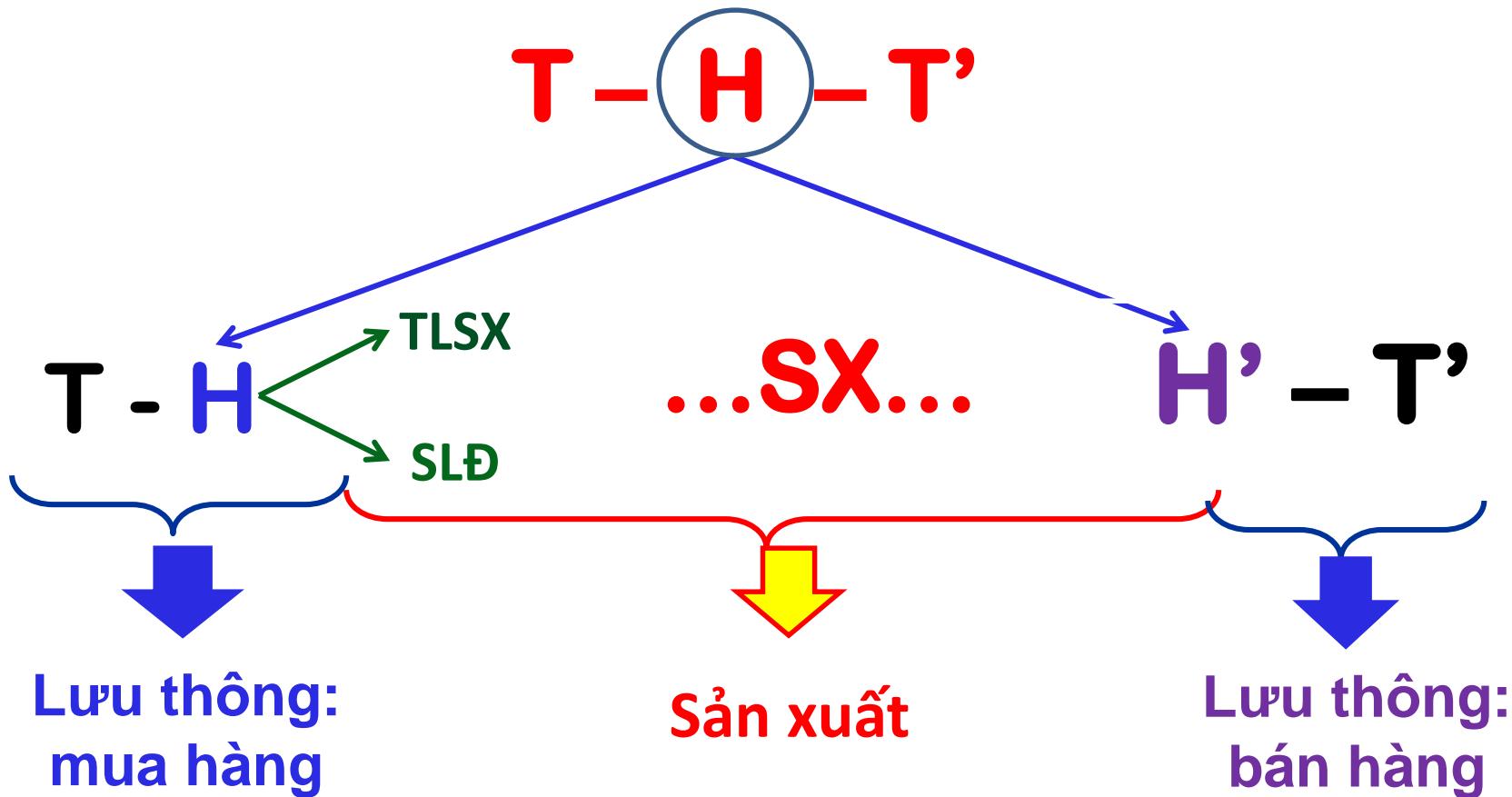
- ☐ Xét yếu tố hàng hóa: TLSX để trong kho => không làm tăng thêm giá trị => không tạo ra m

Mâu thuẫn công thức chung của tư bản

Lưu thông không thể tạo ra giá trị mà chỉ là phân phổi lại giá trị

Giá trị thặng dư **được tạo ra trong sản xuất** nhưng công thức $T - H - T'$ cho thấy rằng **giá trị cũng được tạo ra trong lưu thông**. Đây chính là mâu thuẫn công thức chung của tư bản

Công thức chung của tư bản



3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Hàng hóa sức lao động

“Sức lao động hay năng lực lao động là **toàn bộ những năng lực thể chất** và **tinh thần** tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó” [4;218]

SLĐ =



Hàng hóa sức lao động

Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa.

1. NLĐ phải được tự do về thân thể



2. Không có đủ TLSX cần thiết để nuôi sống bản thân



Hàng hóa sức lao động

Sức lao động là hàng hóa đặc biệt

(1) Tồn tại trong cơ thể con người.

(2) Bán trong 1 thời gian nhất định mà thôi.

(3) Bán sức lao động, người bán vẫn không từ bỏ quyền sở hữu sức lao động ấy.

(4) Hàng hóa SLĐ có giá trị tinh thần và lịch sử.

“Để chuyển hóa tiền thành tư bản, người chủ tiền phải tìm được người lao động tự do trên thị trường hàng hóa, tự do theo 2 nghĩa: theo nghĩa con người tự do, chi phối được sức lao động của mình với tư cách là một hàng hóa, mặt khác anh ta không có một hàng hóa nào để bán”

[4;220]

Hàng hóa sức lao động

Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Số thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất, tái sản xuất ra SLĐ quyết định

Giá trị

Hàng
hóa
SLĐ

Giá trị
sử dụng

Thể hiện ra trong quá trình LĐ tức là quá trình SX ra sản phẩm

Giá trị sử dụng của hàng hóa SLĐ cũng để thỏa mãn nhu cầu của người mua

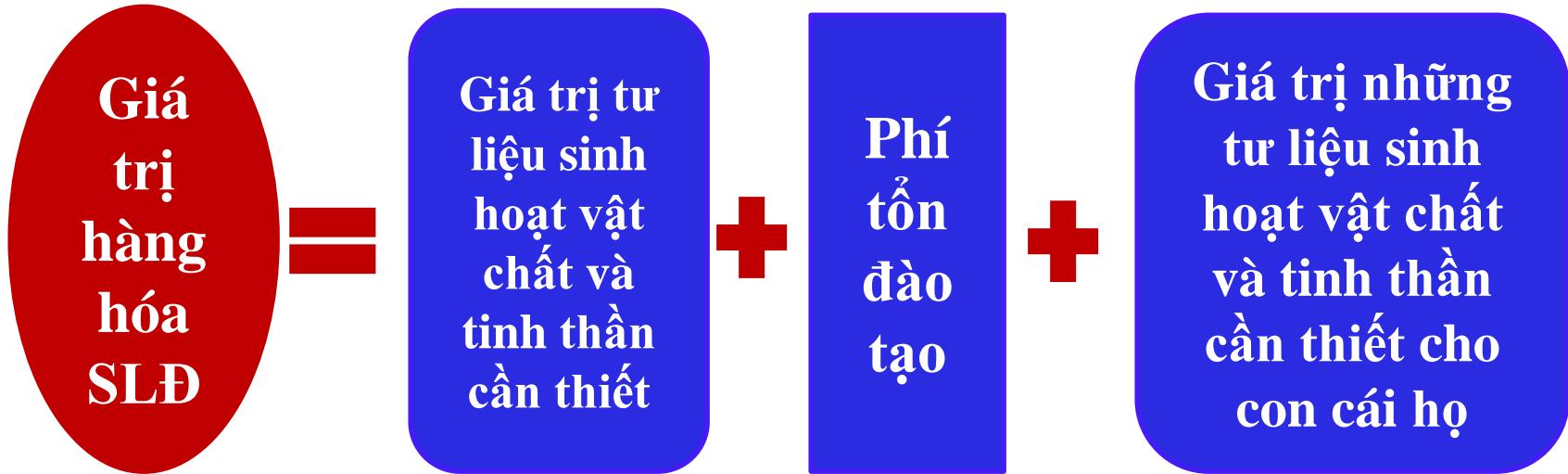
Thời gian cần thiết để SX ra SLĐ = Thời gian lao động cần thiết để SX ra những tư liệu sinh hoạt nuôi sống người có SLĐ ấy

Yếu tố tinh thần
và lịch sử



Hàng hóa sức lao động

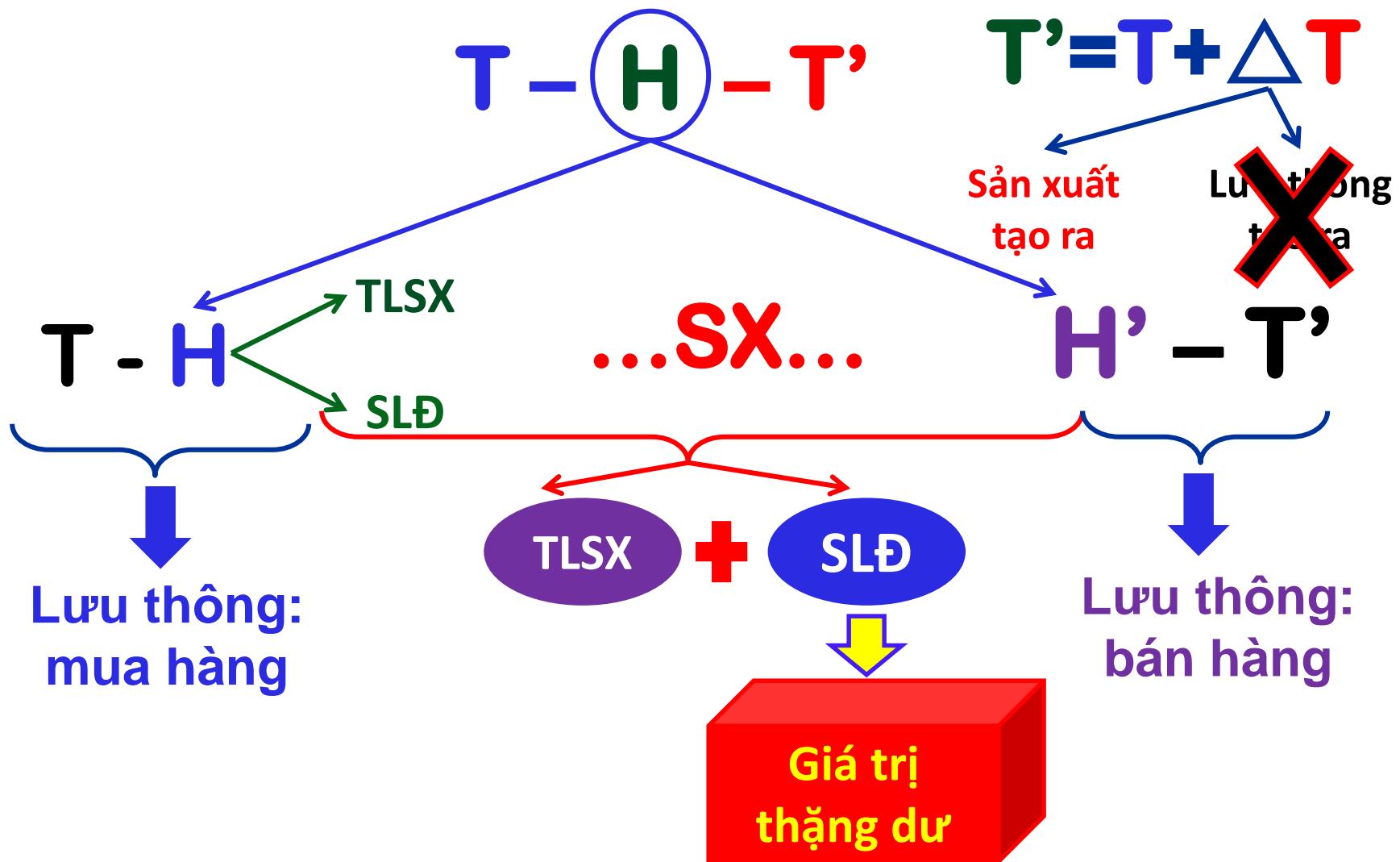
- Giá trị hàng hóa sức lao động



- Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động

Tính chất đặc biệt của hàng hóa SLĐ là khi sử dụng, nó tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. K. Marx khẳng định, nguồn gốc giá trị thặng dư do sức lao động tạo ra.

3.1.1 Nguồn gốc giá trị thặng dư



3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

1. Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản



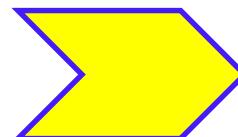
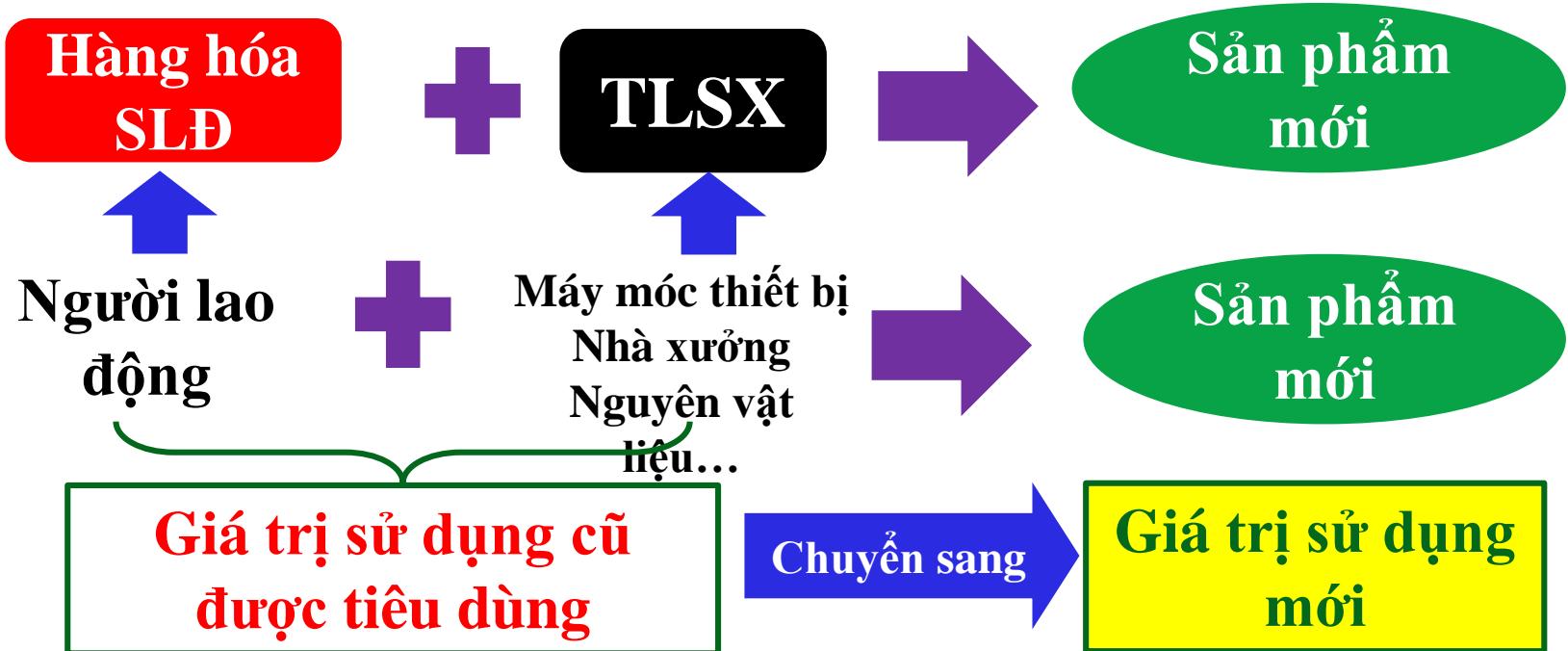
2. Sản phẩm làm ra thuộc về nhà tư bản.



Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị.

Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

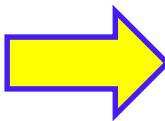
Quá trình sản xuất: là quá trình tiêu dùng TLSX và SLĐ



➤ Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Chi phí sản xuất	Chi phí sản phẩm mới (20 kg sợi)
<ul style="list-style-type: none"> - Tiền mua bông (20 kg): 20 USD - Tiền hao mòn máy móc: 4 USD - Tiền mua SLĐ 1 ngày (12h): 3 USD 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị của bông được chuyển vào sợi: 20 USD - Giá trị của máy móc được chuyển vào sợi: 4 USD - Giá trị mới do công nhân tạo ra trong 12h lao động: 6 USD
Tổng cộng: 27 USD	Tổng cộng: 30 USD

$$20 + 4 + 3 = 27$$



$$20 + 4 + 6 = 30$$

Giá trị thặng dư TBCN (m) là một bộ phận của **giá trị mới** dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động(người LĐ làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa SLĐ).

Thế nào là nhà tư bản

Người chủ tiền trở
thành nhà tư bản

→ T – H – T'
↓

“Không phải bất kỳ số tiền nào, hoặc giá trị nào có thể chuyển hóa thành tư bản được; trái lại, tiền đẻ của sự chuyển hóa đó là một số tiền hoặc giá trị trao đổi tối thiểu nhất định trong tay kẻ sở hữu tiền hay hàng hóa” [4;392]

Nhà tư bản công nghiệp

Không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, dùng toàn bộ thời gian của mình vào việc chỉ huy, kiểm soát lao động và bán hàng

Phải có một lượng tiền tối thiểu ứng trước. Số tiền này tùy theo trình độ phát triển khác nhau của nền sản xuất...

Nhà tư bản trở thành kẻ tập hợp, chỉ huy lao động, tức là chỉ huy sức lao động đang hoạt động...

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

Tư bản bất biến và tư bản khả biến

Về hiện vật tư bản tồn tại dưới hình thái TLSX và SLĐ

C : Tư bản
bất biến

C₁ : Giá trị nhà xưởng,
máy móc, thiết bị

C₂ : Giá trị nguyên
nhiên, vật liệu



“Bộ phận tư bản biến thành TLSX, tức là thành nguyên liệu, vật liệu phụ và tư liệu lao động **không thay đổi đại lượng giá trị của nó**...gọi là **tư bản bất biến**”

[4;269] ký hiệu (c)



Tư bản bất biến và tư bản khả biến

V: Sức lao động (tư bản khả biến)

Bộ phận tư bản biến thành **sức lao động** lại thay đổi giá trị của nó trong quá trình sản xuất. Nó tái sản xuất ra vật ngang giá với bản thân nó, và ngoài ra còn sản xuất ra một số dư, tức là giá trị thặng dư...gọi là **tư bản khả biến** (v)



K. Marx (1818 -1883)

Dưới gốc độ của quá trình tạo ra giá trị thặng dư

Tư bản bất biến (C)

Tư bản khả biến (v)

Bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thức TLSX

Bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thức SLĐ

Trong quá trình sản xuất không thay đổi lượng giá trị

Trong quá trình sản xuất đã làm tăng lượng giá trị (thay đổi về lượng)

Là điều kiện để tạo ra giá trị thặng dư

Là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ **Tiền công**

Nhà tư bản thuê công nhân trả cho một số tiền nhất định gọi là **tiền công**.

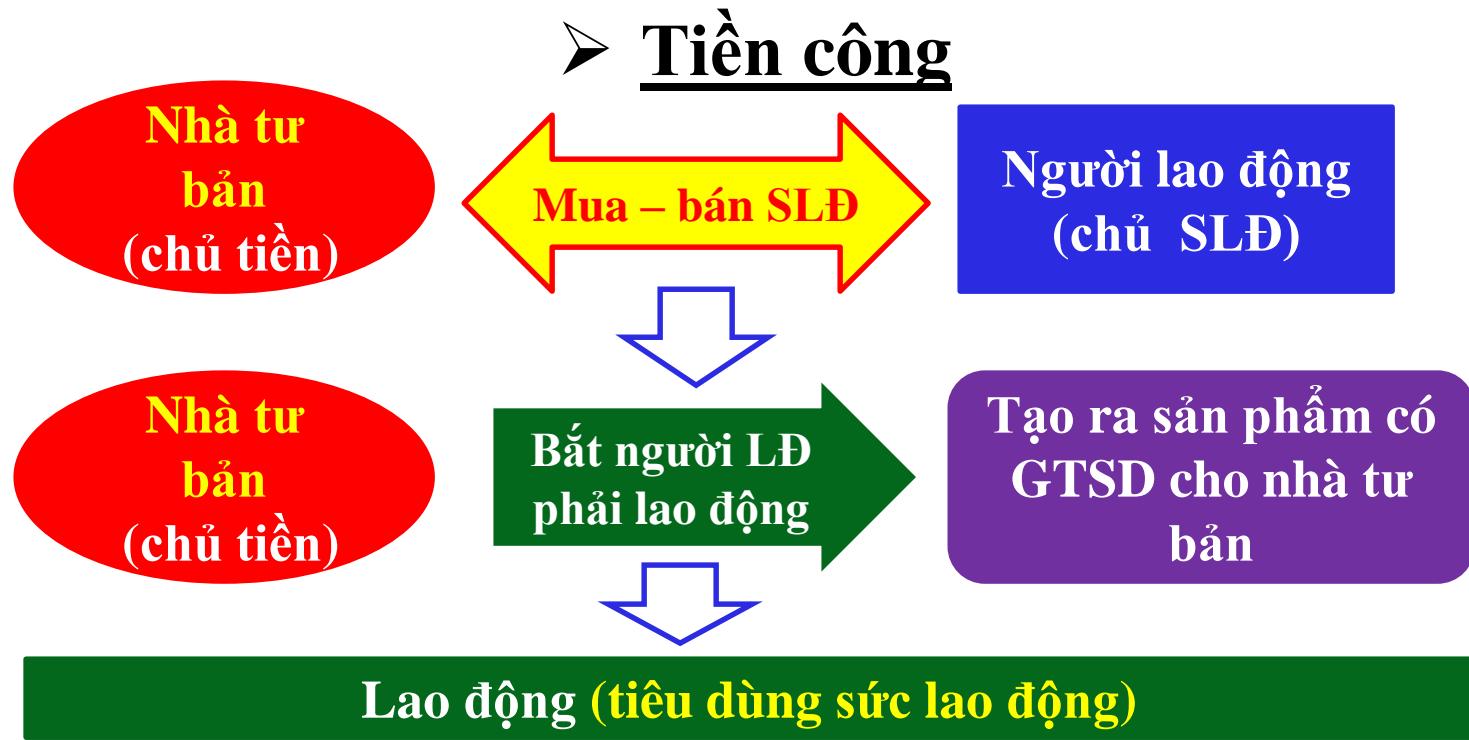
Tiền công này **không phải là giá trị hay giá cả** của lao động



Lao động không phải là hàng hóa, cái mà người công nhân bán cho nhà tư bản đó chính là **sức lao động**.

➤ Tiền công





“Tiền công xóa bỏ mọi vết tích phân chia ngày lao động thành lao động cần thiết và lao động thặng dư, thành lao động được trả công và lao động không công. Toàn bộ lao động thể hiện ra như là lao động được trả công” [5;45]

➤ Tiền công

- Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế



Tiền công danh nghĩa: là số tiền nhà tư bản trả cho người lao động. Số tiền này nhiều hay ít phụ thuộc vào trình độ, kinh nghiệm...làm việc

Tiền công thực tế: là số tiền công được biểu hiện bằng số lượng hàng hóa và các dịch vụ mà người lao động mua được bằng tiền công danh nghĩa



➤ Tiền công

- **Tiền công theo thời gian:** là hình thức mà số lượng của nó nhiều hay ít tùy theo thời gian lao động làm việc dài hay ngắn



- **Tiền công theo sản phẩm:** là hình thức mà số lượng của nó phụ thuộc vào số lượng sản phẩm được làm ra



Bộ phận lao động hành chính, văn phòng, bảo vệ, lao công...

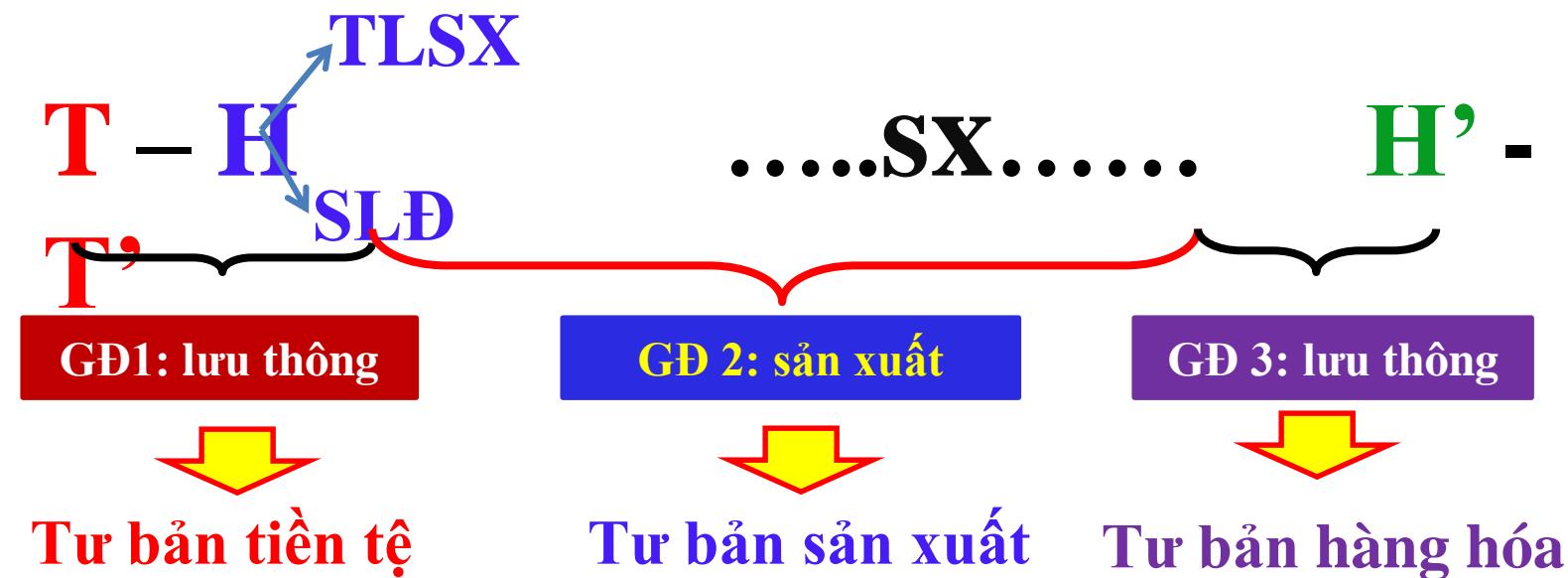
Thích hợp cho

Bộ phận sản xuất

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Tuần hoàn của tư bản

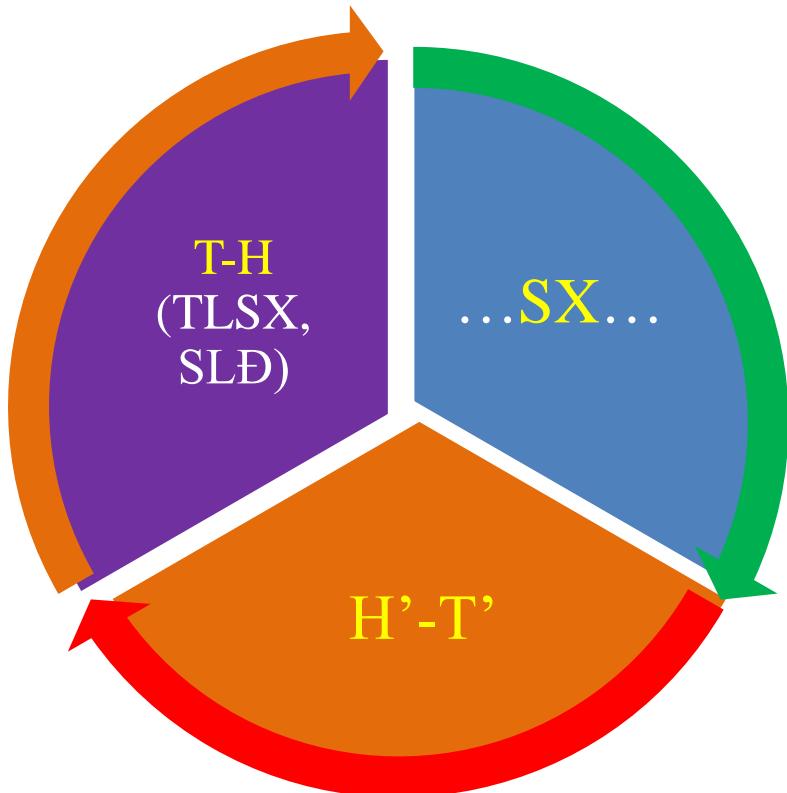
Tuần hoàn tư bản là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái khác nhau, thực hiện 3 chức năng khác nhau rồi quay lại với hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư.



3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Chu chuyển của tư bản

Chu chuyển tư bản: là quá trình **tuần hoàn tư bản lặp đi lặp lại không ngừng**



Thời gian chu chuyển = **thời gian sản xuất + thời gian lưu thông**

➤ **Chu chuỷen của tư bản**

- **Tốc độ chu chuỷen:** là số vòng (lần) chu chuỷen tư bản trong 1 năm.

$$n = \frac{CH}{ch}$$

n: số vòng chu chuỷen

CH: thời gian trong năm

Ch: thời gian cho 1 vòng chu chuỷen

VD: 1 tư bản có thời gian 1 vòng chu chuỷen là 3 tháng thì tốc độ chu chuỷen trong năm là:

$$n = \frac{12 \text{ tháng}}{3 \text{ tháng}} = 4 \text{ vòng}$$

➤ Tư bản cố định và tư bản lưu động

- Tư bản cố định

Tư bản cố định: là bộ phận tư bản **tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng...** về hiện vật tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó bị khấu hao từng phần và được chuyển dần vào sản phẩm mới được sản xuất ra



- Tư bản cố định

- Tư bản cố định bị hai mòn hữu hình và hao mòn vô hình



Mec E 280 (2005- 2008): giá
mới: 127.000 USD

Hao mòn vô
hình



Mec E 280 (2005-2008)
Giá 2018: 70.000 USD

Hao mòn vô
hình + hữu hình



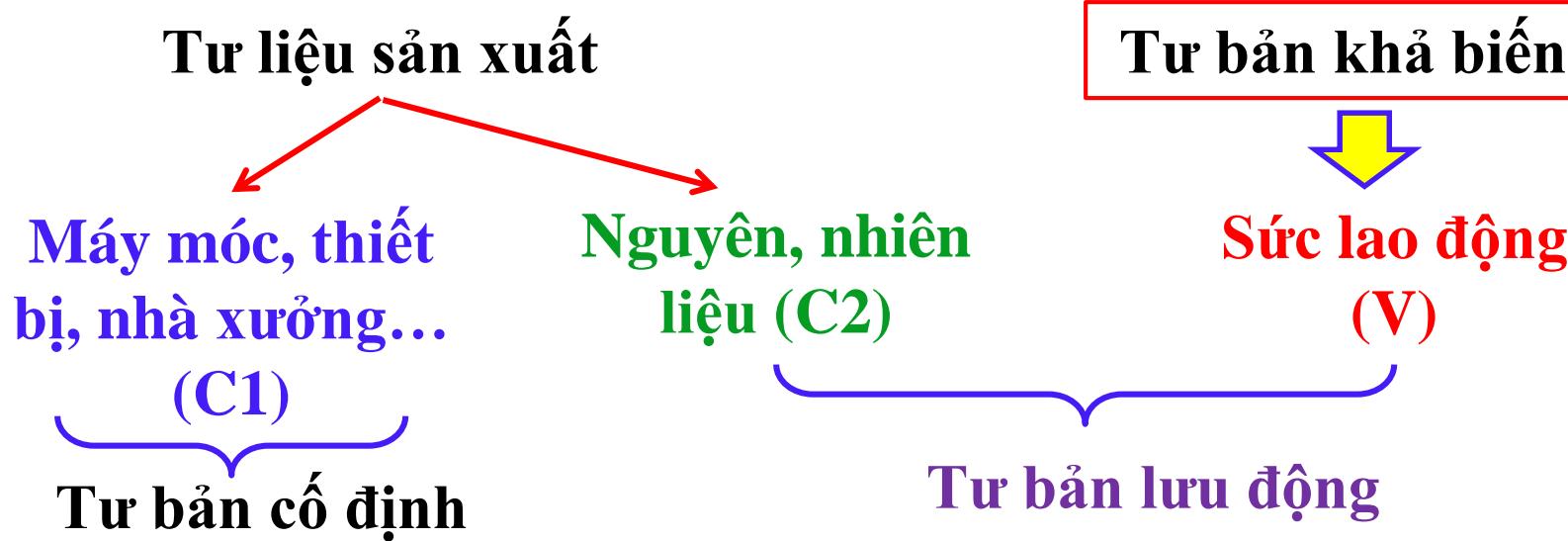
➤ Tư bản cố định và tư bản lưu động

- Tư bản lưu động

Tư bản lưu động: là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động... giá trị của nó được chuyển toàn bộ vào sản phẩm mới



❖ Mọi quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến với tư bản cố định, tư bản lưu động



Tư bản bất biến (C) = TLSX

- **Tư bản bất biến (C) = C1 + C2**
- **Tư bản khả biến: V**
- **Tư bản cố định: C1**
- **Tư bản lưu động: C2 + V**

3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư TBCN

Bản chất của
GTTD TBCN
phản ánh quan hệ
xã hội mà trong đó
giai cấp tư sản
chiếm đoạt giá trị
thặng dư do giai
cấp công nhân tạo
ra



3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư TBCN

➤ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

-**Tỷ suất giá trị thặng dư:** là tỷ số tính theo % giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến tương ứng để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.

(ký hiệu m'):

$$m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động cần thiết}} \times 100\%$$

“Vậy tỷ suất giá trị thặng dư là biểu hiện chính xác của mức độ tư bản bóc lột sức lao động, hay mức độ nhà tư bản bóc lột người công nhân” [4;279]

3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư

➤ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

-**Khối lượng giá trị thặng dư:** là tích số giữa giá trị thặng dư và tổng tư bản khả biến đã được sử dụng, ký hiệu là (M).

$$M = \frac{m}{v} x V$$



$$M = m' x V$$

v: Tư bản khả biến cho 1 giá trị SLĐ

V: Tổng tư bản khả biến.

❖ Bóc lột sức lao động

Thời gian lao động quá khứ (c)

Thời gian lao động cần thiết (v)

Thời gian lao động thặng dư (m)

- Nhà tư bản mua sức lao động (v) **theo nguyên tắc ngang giá**, sau khi tiêu dùng nó thu được một lượng (v + m). m là lao động thặng dư đã được vật hóa.
- **Nhà tư bản thèm khát vô hạn đối với lao động thặng dư** nên tìm mọi cách kéo dài nó **không bị pháp luật hạn chế**. Kéo dài ngày lao động quá mức và sử dụng lao động trẻ em, vắt kiệt tinh thần và thể xác người lao động. Marx gọi cách khai thác như vậy là bóc lột sức lao động.

Lao động cần thiết

Lao động thặng dư

Thời gian nghỉ ngơi

Ngày lao động (15,14, 13,12h)

3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- **Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:** là phương pháp được thực hiện trên cơ sở kéo dài tuyệt đối ngày lao động của công nhân trong điều kiện thời gian lao động cần thiết không đổi.

6h lao động cần thiết

6h lao động thặng dư

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động cần thiết}} = \frac{6\text{ h}}{6\text{ h}} = 100\%$$

Thời gian lao động nước Anh (Luật công xưởng):

- **Năm 1833:** 15h/ngày (5h30 – 20h30) đối với người trưởng thành và 12h đối với thiếu niên từ 13-18 tuổi.
- **Từ 1844-1847:** ngày lao động 12h.
- **Từ 1/7/1847:** 11h đối với thiếu niên (13-18 tuổi) và nữ công nhân và còn 10h từ 01/1848.
- **Năm 1866:** 8h lao động/ngày (Mỹ)

3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- Sản xuất giá trị thặng dư tương đối: được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết lại để kéo dài một cách tương ứng thời gian lao động thặng dư trên cơ sở **tăng năng suất lao động xã hội** trong điều kiện độ dài ngày không đổi.

6h lao động cần thiết

2h lao động
thặng dư

Ngày làm 8h

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động tất yếu}} = \frac{2\text{ h}}{6\text{ h}} = 33,33\%$$

4h lao động cần thiết

4h lao động thặng dư

Ngày làm 8h

Tăng năng suất lao động

Áp dụng máy móc,
công nghệ mới

Áp dụng phương
pháp quản lý mới

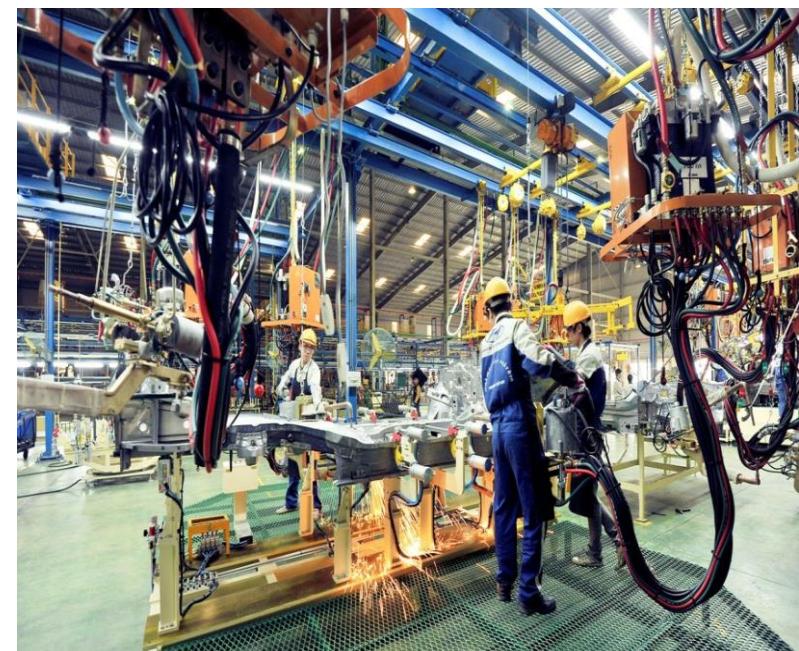
.....
.....

❖ Máy móc có tạo ra giá trị thặng dư hay không?

Máy móc – tư liệu lao động đặc trưng cho thời đại công nghiệp, làm tăng sức sản xuất so với công trường thủ công.

“Cũng như mọi bộ phận cấu thành khác của tư bản bất biến, máy móc không tạo ra giá trị nào cả, nhưng nó chuyển giá trị bản thân nó vào sản phẩm mà nó được dùng để chế tạo ra”
[4;490]

Máy móc biến một bộ phận tư bản trước kia là khả biến thành máy móc, tức thành tư bản bất biến. Sử dụng máy móc vào sản xuất là phương pháp hữu hiệu nhất để rút ngắn thời gian lao động cần thiết, kéo dài thời gian lao động thặng dư.



3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- Giá trị thặng dư siêu ngạch: là phần giá trị thặng dư thu được do **tăng năng suất lao động cá biệt**, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó

Mặc gọi giá trị thặng dư siêu ngạch **là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối**, cùng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động, tuy nhiên có một số điểm đặc biệt:

Giá trị thặng dư siêu ngạch	Giá trị thặng dư tương đối
<ul style="list-style-type: none">- Do tăng năng suất lao động cá biệt, khai phá 1 ngành kinh doanh mới	<ul style="list-style-type: none">- Do tăng năng suất lao động xã hội
<ul style="list-style-type: none">- Nhà tư bản cá biệt thu được	<ul style="list-style-type: none">- Toàn bộ giai cấp tư bản thu được
<ul style="list-style-type: none">- Quan hệ nhà tư bản với công nhân	<ul style="list-style-type: none">- Quan hệ giai cấp tư bản với giai cấp công nhân

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

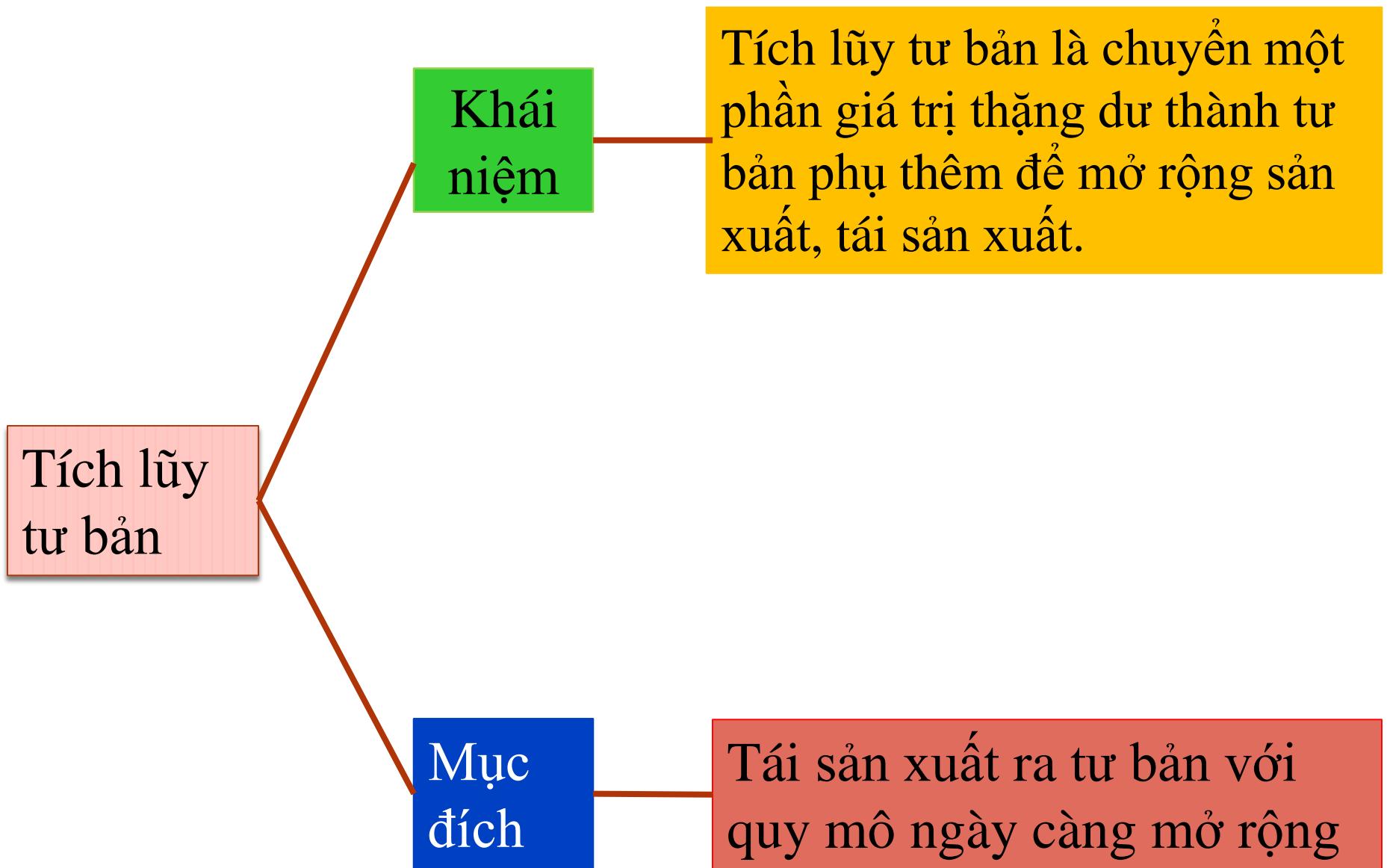
3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản.

Tái sản xuất

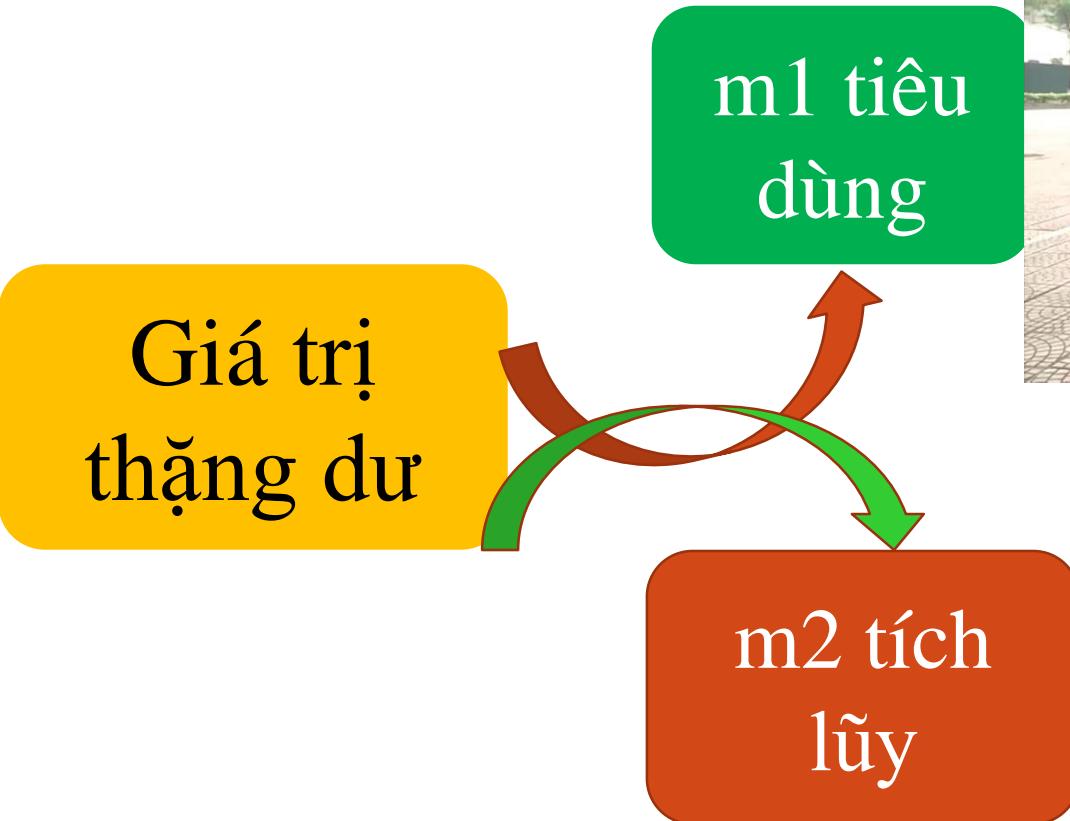


Tái sản xuất giản đơn

Tái sản xuất mở rộng



Tích lũy tư bản là sự chuyển của một phần của giá trị thặng dư thành tư bản



3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy

**Tăng
quy
mô
tích
lũy**

(1). Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư

(2). Tăng năng suất lao động

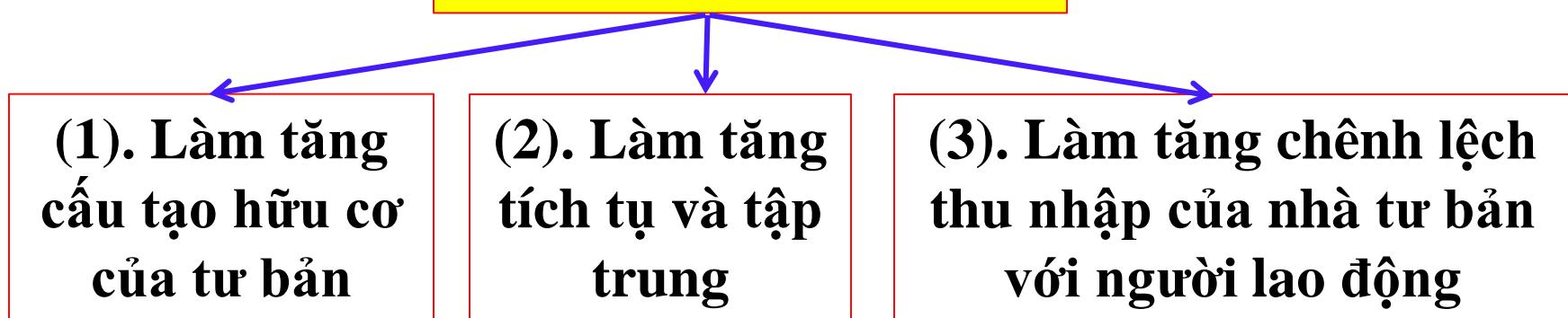
(3). Sử dụng hiệu quả máy móc

(4). Đại lượng tư bản ứng trước

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản

HỆ QUẢ CỦA TÍCH LŨY



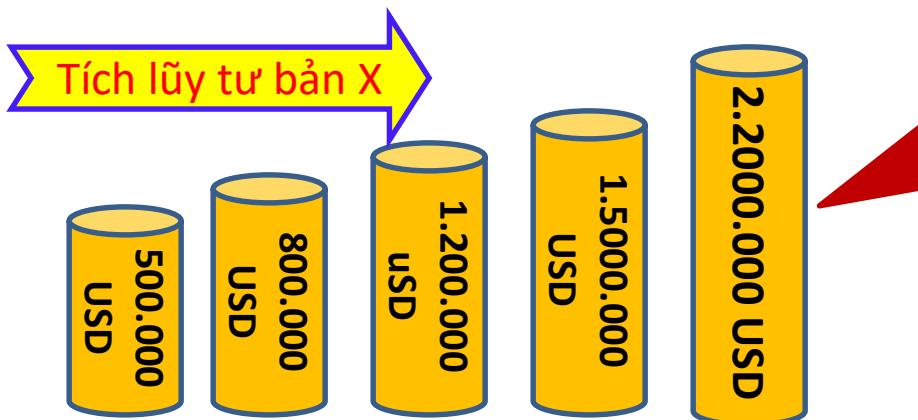
VD: Tư bản đầu tư là 100, cấu tạo hữu cơ C/V = 4/1, $m' = 100\%$, tỉ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng là 5-5. Qua các năm thì

Năm thứ nhất quy mô sản xuất là: $W = 80C + 20V + 20m = 120$

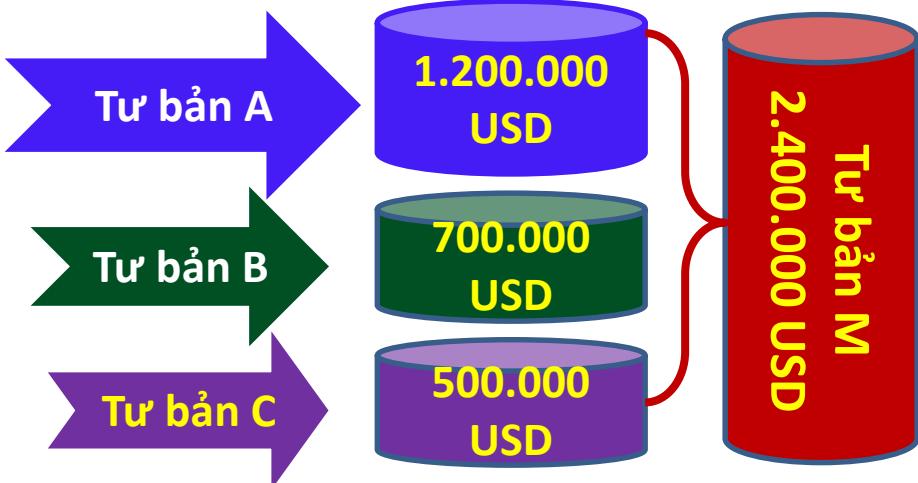
Năm thứ hai quy mô sản xuất là: $W = 88C + 22V + 22m = 132$

Năm thứ 2 quy mô TBBB và TBKB đều tăng lên, giá trị thặng dư cũng tăng lên.

❖ Tích tụ và tập trung tư bản



Tích lũy tư bản xét về mặt **làm tăng quy mô một tư bản cá biệt** là **tích tụ tư bản**.



Tập trung tư bản: là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn thành 1 tư bản cá biệt khác lớn hơn.

❖ So sánh tích tụ tư bản và tập trung tư bản.

Tích tụ tư bản

Tập trung tư bản

➤Làm tăng quy mô của tư bản

- **Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt đồng thời làm tăng quy mô tư bản xã hội**
- **Thông qua quá trình tái sản xuất, kinh doanh mở rộng**
- **Tư bản lớn lén châm**

- **Chỉ làm tăng quy mô của tư bản cá biệt** (thay đổi sự sắp xếp về lượng của các bộ phận cấu thành tư bản xã hội).
- **Thông qua cạnh tranh, thông qua góp vốn, sáp nhập...**
- **Tư bản lớn nhanh**
- **Phục vụ mục đích ra đời các ngành cần có lượng tư bản lớn hoặc các công ty cổ phần.**

❖ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

Cấu tạo kỹ thuật	Cấu tạo giá trị	Cấu tạo hữu cơ
$\frac{C}{V}$	$\frac{C}{V}$	$\frac{C}{V}$
Tỷ lệ được tính bằng số lượng nhân công đảm nhận khôi lượng máy móc	Tỷ lệ được tính bằng tiền (tiền mua TLSX và tiền trả lương cho nhân công)	Là cấu tạo giá trị do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật

Cấu tạo hữu cơ của tư bản là **cấu tạo giá trị** của tư bản, do **cấu tạo kỹ thuật quyết định** và phản ánh sự thay đổi của **cấu tạo kỹ thuật** của tư bản

3.3 CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THĂNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

3.3.1. Lợi nhuận

- **Chi phí sản xuất TBCN:** là chi phí mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hóa

Chi phí sản xuất TBCN (k)

$$k = c + v$$

$$G = c + v + m \rightarrow G = k + m$$

Chi phí thực tế xã hội

$$G = c + v + m$$

Lợi nhuận (p): là số tiền lời mà nhà tư bản thu được sau khi bán hàng hóa do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và chi phí SX tư bản

$$G = c + v + m$$

$$G = k + p$$

➤ Bản chất lợi nhuận

✓ So sánh giữa m và p:

- **Về lượng:** p và m thường không bằng nhau do cung cầu quyết định. Nhưng xét phạm vi toàn xã hội thì **tổng m = tổng p**
- **Về chất:** p và m là một, đều **có chung nguồn gốc là kết quả của lao động**. p là hình thái biểu hiện của m trên bề mặt của nền KTTT. P phản ánh sai lệch bản chất QHSX TBCN vì nó làm ta tưởng rằng m không phải do v tạo ra mà do (c+v) tạo ra.

3.3.1. Lợi nhuận

➤ **Tỷ suất lợi nhuận (p'):** là tỷ lệ % giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản ứng trước

$$p' = \frac{m}{c + v} \times 100\%$$

- So sánh giữa m' và p'
 - Về lượng: $p' < m'$

$$p' = \frac{m}{c+v} \times 100 \% \text{ còn } m' = \frac{m}{v} \times 100 \%$$

- Về chất: m' phản ánh trình độ bóc lột của nhà tư bản, còn p' nói lên mức doanh lợi của việc đầu tư.

3.3.1. Lợi nhuận

➤ Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận

-Tỷ suất giá trị thặng dư

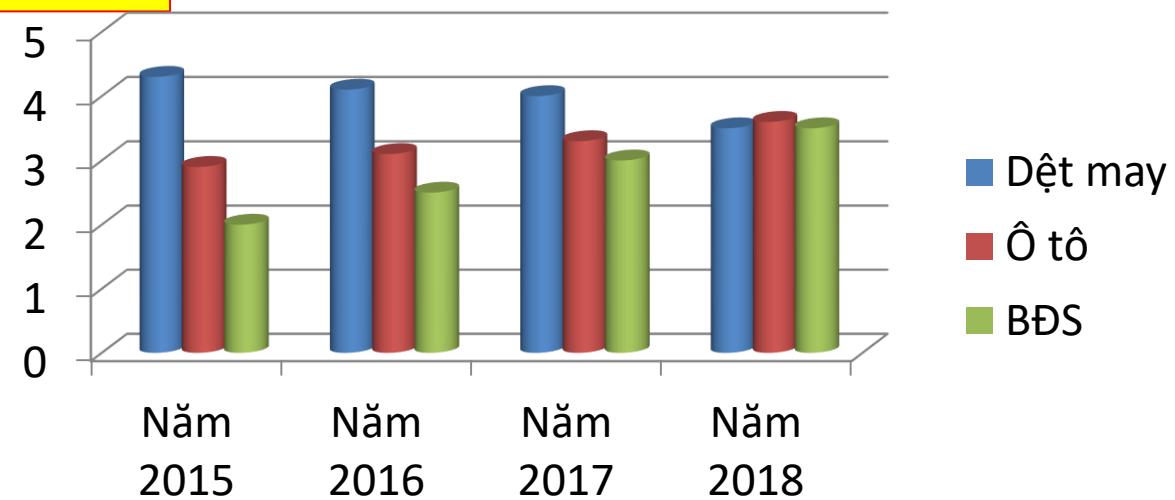
-Cấu tạo hữu cơ của tư bản ($\frac{c}{v}$)

-Tốc độ chu chuyển của tư bản.

-Tiết kiệm tư bản bất biến (c)

➤ Lợi nhuận bình quân

- Kết quả của cạnh tranh giữa các ngành là hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân



➤ Lợi nhuận bình quân

**Tỷ suất lợi nhuận bình
quân** là tỷ số tính theo
phần trăm giữa tổng giá
trị thặng dư và tổng số
tư bản xã hội đã đầu tư
vào các ngành của nền
sản xuất TBCN, ký hiệu
là \bar{p}' .



$$\bar{p}' = \frac{\sum m}{\sum(c+v)} \times 100 (\%)$$

➤ Lợi nhuận bình quân

- **Lợi nhuận bình quân** là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau, đầu tư vào những ngành khác nhau, bất kể cấu tạo hữu cơ của tư bản thế nào, ký hiệu là \bar{p}

$$\bar{p} = \bar{p}' \times k$$

- Cùng với sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân thì **giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất**

$$\text{Giá cả sản xuất} = k + \bar{p}$$

3.3.1. Lợi nhuận

➤ Lợi nhuận thương nghiệp

Lợi nhuận thương nghiệp là **1 phần giá trị thặng dư** được sáng tạo ra trong **lĩnh vực sản xuất** và do **tư bản công nghiệp** nhượng lại cho **tư bản thương nghiệp** để **tư bản thương nghiệp** thực hiện **chức năng lưu thông**.



m được tạo ra

p TB công nghiệp

p TB thương nghiệp

3.3.2. LỢI TỨC

Tư bản cho vay là tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi mà người chủ sở hữu nó cho người khác sử dụng trong một thời gian nhằm nhận được số tiền lời nhất định. Số tiền đó gọi là lợi tức. Ký hiệu: **z**



Tư bản cho vay vận động theo công thức: **$T - T'$** , trong đó **$T' = T + z$**

3.3.2. LỢI TỨC

Lợi tức (z) chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản **cho vay** căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho nhà tư bản **cho vay** sử dụng

$$0 < z < \bar{p}$$

Tỷ suất lợi tức: là tỷ lệ % giữa tổng số lợi tức và số tư bản tiền tệ cho vay (tính theo tháng, quý, năm...), ký hiệu là z'

$$z' = \frac{z}{Tổng\ tư\ bản\ cho\ vay} \times 100\ (%)$$

❖ LNBQ và lợi tức, tỷ suất LNBQ và tỷ suất lợi tức

- Một tư bản A đầu tư 100 tỷ với **tỷ suất lợi nhuận bình quân 15%/năm (\bar{p}')**. Tư bản A đi vay của tư bản M 50% vốn **với tỷ suất lợi tức (lãi suất) 10% năm (z')**. Sau một năm:

Lợi tức nhà tư bản A trả cho tư bản M:

$$50 \text{ tỷ} \times 10\% = 5 \text{ tỷ} (z)$$

Lợi nhuận bình quân:

$$100 \text{ tỷ} \times 15\% = 15 \text{ tỷ} (\bar{P})$$

Nhà tư bản A thu được: $15 - 5 = 10 \text{ tỷ} (\bar{P}_1)$

Nhà tư bản cho vay M thu được: $5 \text{ tỷ} (z=\bar{P}_2)$

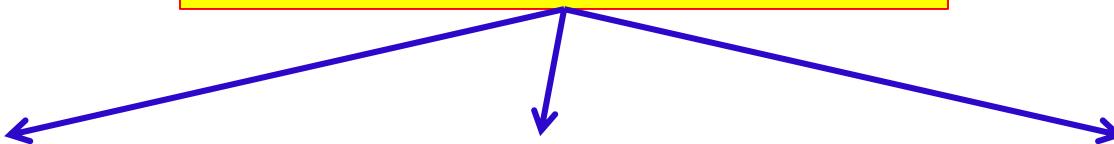
3.3.2. LỢI TỨC

Đặc điểm tư bản cho vay

**Quyền sử dụng
tách quyền sở hữu**

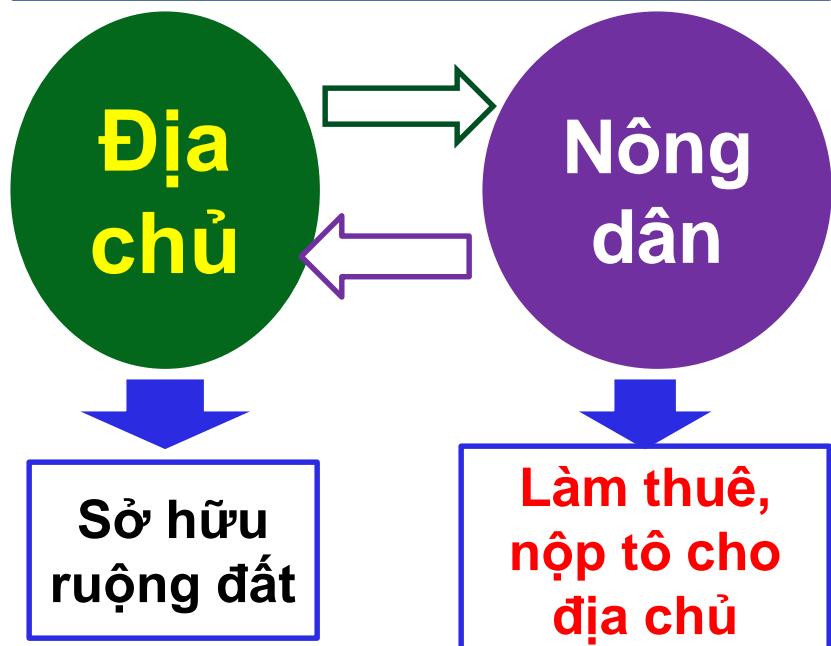
**Là hình thái được
sùng bái nhất**

**Sau khi sử dụng, giá
trị được bảo tồn và
tăng lên**

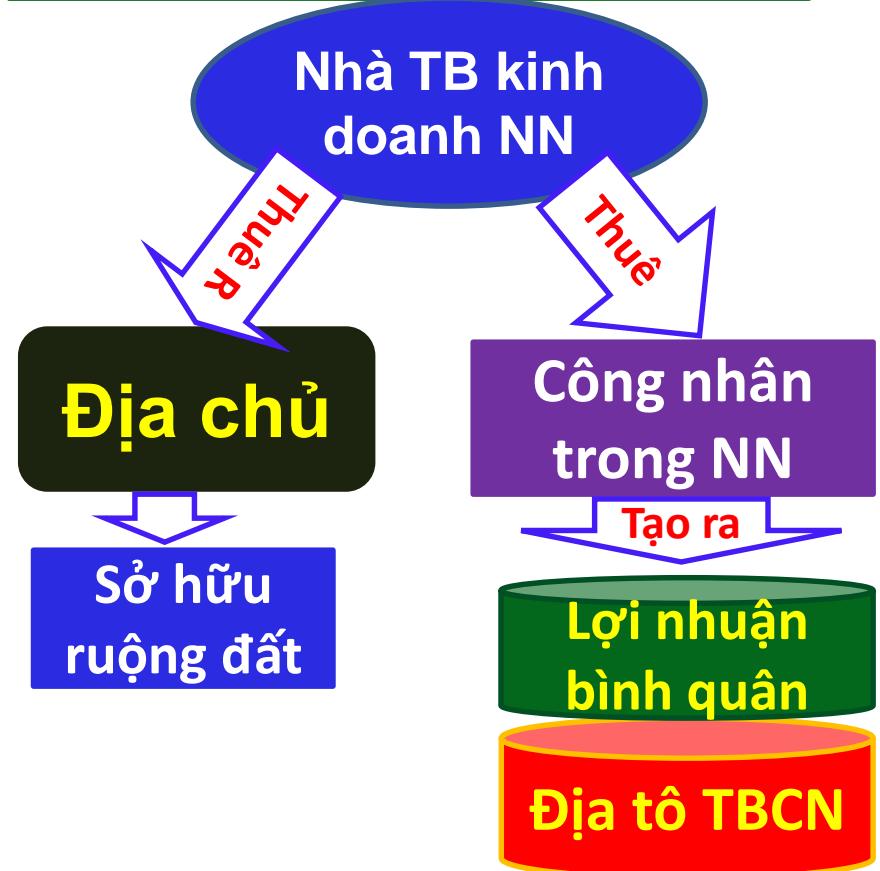


3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Quan hệ SX nông nghiệp (P. Kiến)



QHSX nông nghiệp (TBCN)



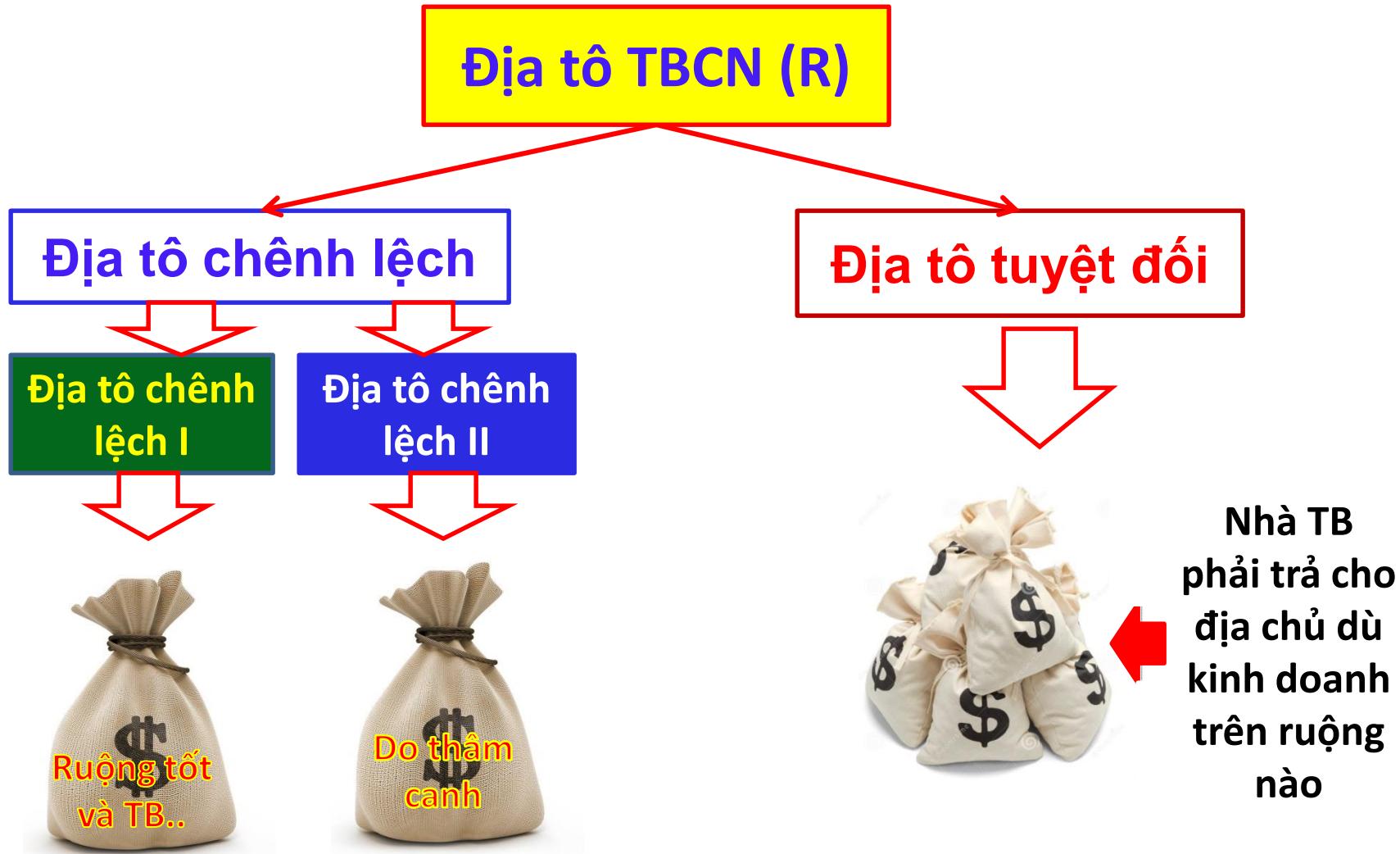
3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Địa tô TBCN (R) là phần giá trị thặng dư còn lại (sau khi đã khấu trừ LN bình quân) mà TB kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho địa chủ

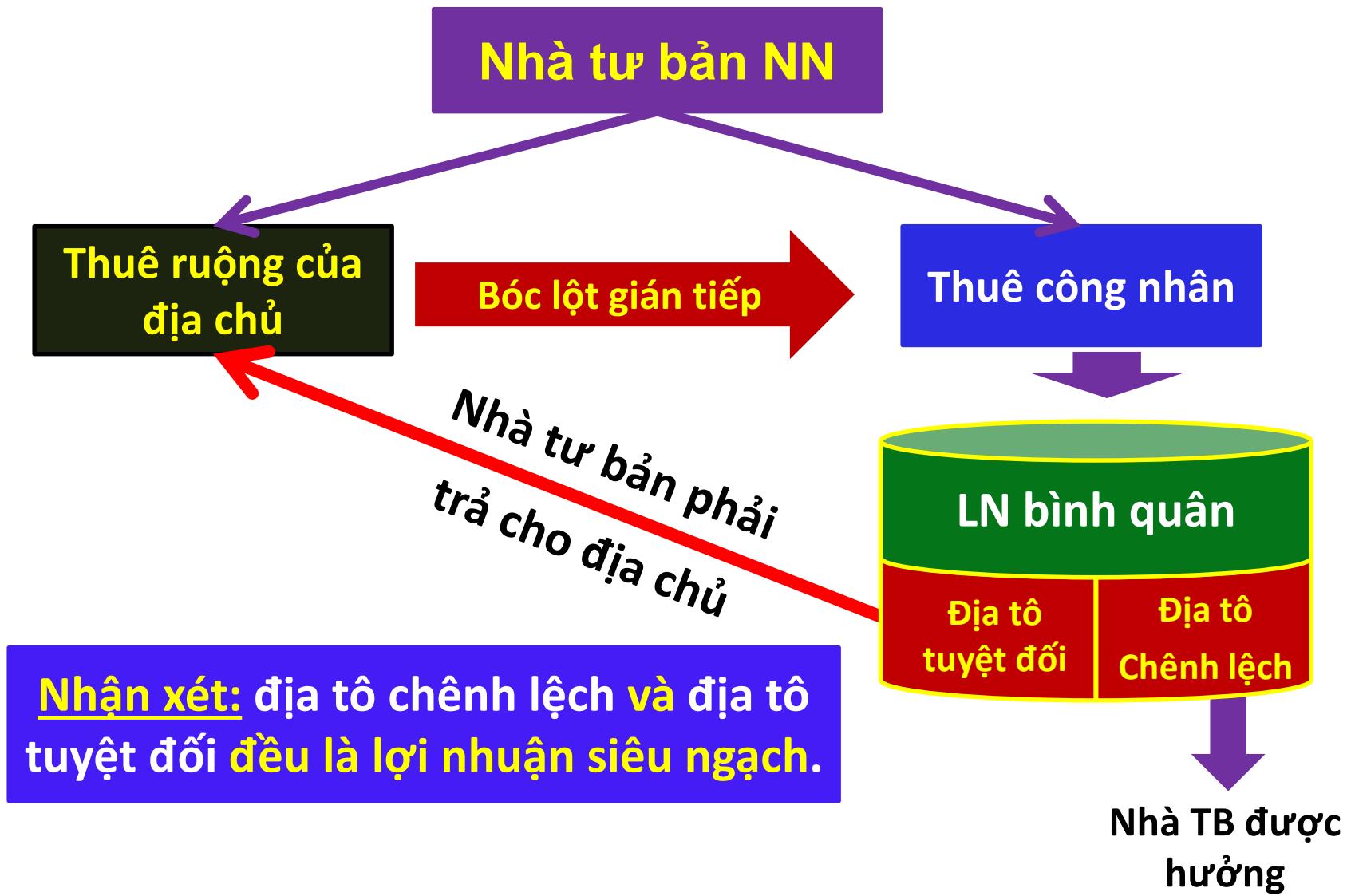


Địa tô TBCN khác với **địa tô phong kiến**. Địa tô PK phản ánh QHSX giữa 2 giai cấp. Địa tô TBCN phản ánh QHSX 3 giai cấp. Địa tô TBCN luôn nhỏ hơn địa tô phong kiến

3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

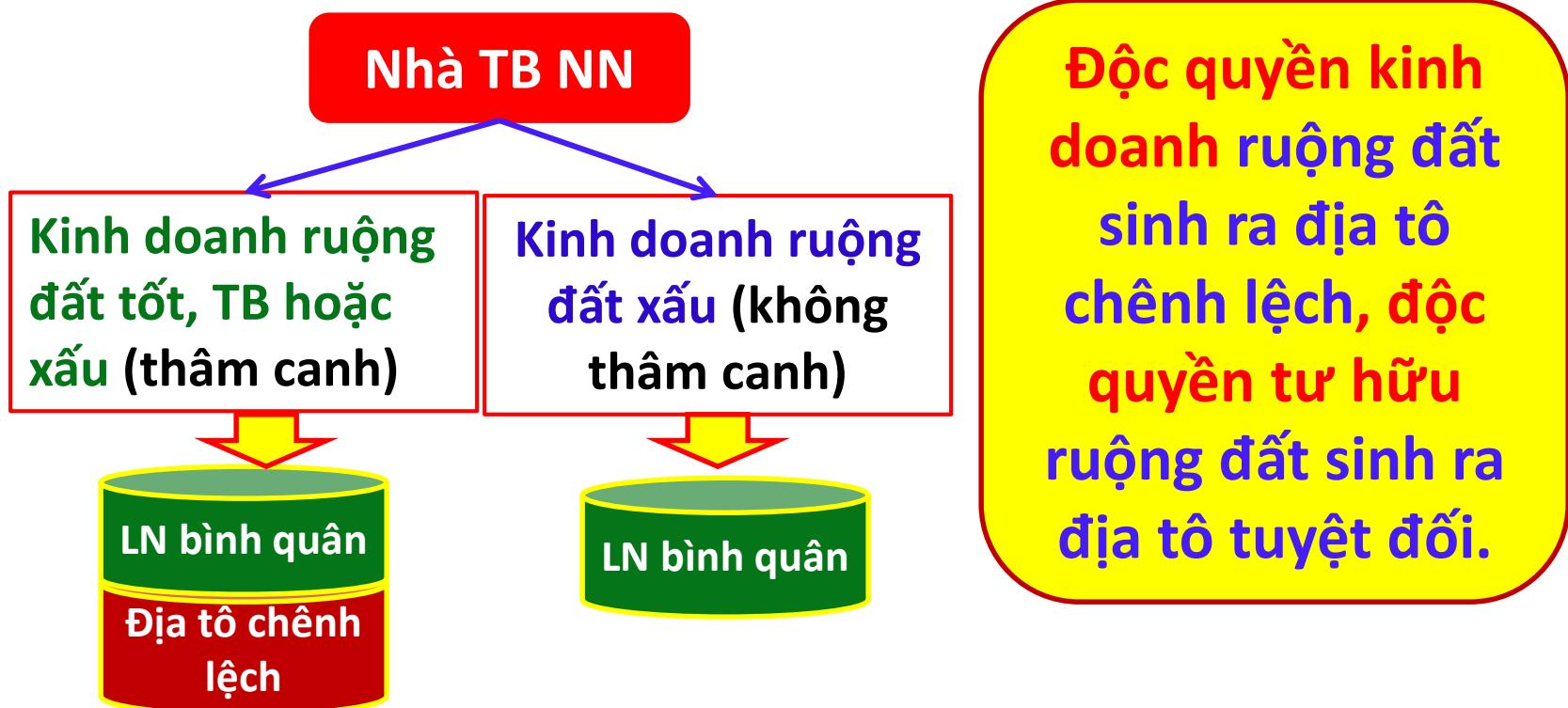


3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa



3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Địa tô tuyệt đối: là lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài LN bình quân, được hình thành do cấu tạo hữu cơ của TB trong NN luôn thấp hơn trong công nghiệp, nó là số chênh lệch giữa giá trị nông phẩm và giá cả SX chung



3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Trong công nghiệp



Những nhà
TB xuất sắc
tạo ra

Trong nông nghiệp

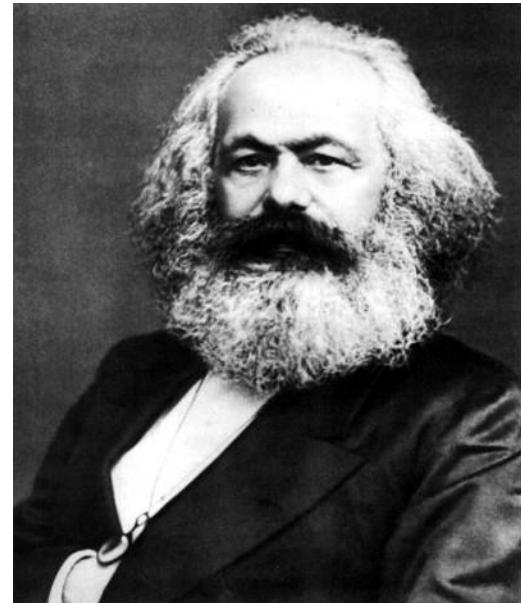


Độc quyền tư
hữu ruộng đất
tạo ra

Độc quyền KD
ruộng đất tạo ra

❖ Giá cả đất đai

Giá cả ruộng đất là phạm trù kinh tế bất hợp lý. Giá cả ruộng đất là hình thức địa tô tư bản hóa. Giá cả ruộng đất là giá mua quyền thu địa tô do ruộng đất mang lại .



Địa tô

$Giá\ cả\ đất\ đai = \frac{Tỷ\ suất\ lợi\ tức\ nhận\ gửi\ của\ ngân\ hàng}{Địa\ tô}$

